

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 26-6-2024

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Phương

*Các Thẩm phán:*

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Xuân Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/6/2024 và 26/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Bà Đàm Ngọc Y, sinh năm: 1967 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Nguyễn Long H. Địa chỉ: Văn phòng L1, số A đường N, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Lớn M, sinh năm 1986 (có mặt);

2. Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3. Chị Phạm Mỹ T1, sinh năm 1990 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bà Đàm Ngọc Y (là bị đơn).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y là vợ chồng đã được Tòa án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 33/2015/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2015. Khi thuận tình ly hôn, phần tài sản chung của vợ chồng được ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y tự thỏa thuận. Sau ly hôn, do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên ông Phạm Hoàng T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung gồm: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 17.648,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; giá trị đất theo thẩm định là 1.850.945.000 đồng; một ngôi nhà xây dựng năm 2019, diện tích 84,63m<sup>2</sup>, giá trị nhà 191.940.840 đồng; một ngôi nhà cây gỗ địa phương, diện tích nhà 91,14m<sup>2</sup>, giá trị nhà 26.977.440 đồng; một công xỏ vuông tôm trị giá 13.000.000 đồng.

Ông Phạm Hoàng T yêu cầu chia ½ diện tích đất; một ngôi nhà cây gỗ địa phương và một công xỏ vuông. Ông Phạm Hoàng T đồng ý hoàn lại ½ giá trị công xỏ vuông tôm cho bà Đàm Ngọc Y và không yêu cầu phần giá trị chênh lệch của ngôi nhà.

Bà Đàm Ngọc Y thống nhất về tài sản chung, giá trị tài sản nhưng bà không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của ông Phạm Hoàng T mà yêu cầu được giữ y theo thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà với ông Phạm Hoàng T tại biên bản thỏa thuận phân chia tài sản được lập tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 14/11/2017.

Chị Phạm Lớn M, anh Phạm Hoàng L và chị Phạm Mỹ T1 thống nhất ý kiến với bà Đàm Ngọc Y.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T về việc chia tài sản chung.

- Chia cho ông Phạm Hoàng T diện tích đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm là 947m<sup>2</sup>; diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 7.877m<sup>2</sup>; một căn nhà cây gỗ địa phương 91,14m<sup>2</sup> (nhà ông Phạm Hoàng T đang ở); một công xỏ vuông tôm.

- Chia cho bà Đàm Ngọc Y diện tích đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm là: 947m<sup>2</sup>; diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 7.877m<sup>2</sup>; một căn nhà cấp IV diện tích 84,63m<sup>2</sup> (nhà bà Đàm Ngọc Y đang ở).

- Buộc ông Phạm Hoàng T giao lại cho bà Đàm Ngọc Y ½ giá trị công xỏ vuông tôm bằng 6.500.000 đồng.

- Chi phí đo đạc và chi phí thẩm định giá, bà Đàm Ngọc Y có trách nhiệm giao lại cho ông Phạm Hoàng T tiền 16.485.660 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/3/2024, bà Đàm Ngọc Y kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T về việc chia ½ tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Ngọc Y. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn để điều chỉnh lại hướng tiếp giáp giữa các phần đất được phân chia, bổ sung mốc tiếp giáp giữa hai phần đất và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về sử dụng đường nước chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Đàm Ngọc Y được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật thì giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn thì giữa ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y tranh chấp với nhau về việc phân chia tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” và áp dụng các Điều 33; 59; 62 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét về nội dung tranh chấp cho thấy: Bà Đàm Ngọc Y và ông Phạm Hoàng T được Tòa án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 33/2015/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2015. Khi ly hôn, phần tài sản chung ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y tự thỏa thuận. Nhưng sau khi ly hôn, ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung và ông Phạm Hoàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần tài sản chung được ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y thống nhất xác định gồm có: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 17.648,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; giá trị đất theo thẩm định là 1.850.945.000 đồng; một ngôi nhà xây dựng năm 2019, diện tích 84,63m<sup>2</sup>, giá trị nhà 191.940.840 đồng; một ngôi nhà cây gỗ địa phương, diện tích nhà 91,14m<sup>2</sup>, giá trị nhà 26.977.440 đồng; một công xô vuông tôm trị giá 13.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định toàn bộ tài sản nêu trên thuộc khối tài sản chung của vợ chồng chưa được phân chia và căn cứ vào nhu cầu sử dụng tài sản, tình trạng và giá trị tài sản để chia đôi số tài sản chung như đã nêu trên cho ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y là phù hợp với quy định tại các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, án sơ thẩm xác định sai hướng các cạnh tiếp giáp của hai phần đất được phân chia cho ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y nên cần điều chỉnh cho đúng với thực địa.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bà Đàm Ngọc Y: Bà cho rằng, tài sản chung giữa bà với ông Phạm Hoàng T đã được thỏa thuận phân chia theo “Biên

bản thỏa thuận phân chia tài sản” lập ngày 14/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T mà yêu cầu giữ nguyên việc thỏa thuận phân chia tài sản đã được lập ngày 14/11/2017. Việc thỏa thuận giữa bà Đàm Ngọc Y với ông Phạm Hoàng T về việc thỏa thuận phân chia tài sản được lập tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 14/11/2017 thể hiện việc thỏa thuận giữa ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y đối với tài sản chung là phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 22.380m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 539586 cấp ngày 26/10/1993. Phần đất này ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y thỏa thuận mỗi người được chia ½ diện tích đất nên việc thỏa thuận trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo sự thừa nhận của ông Phạm Hoàng T, bà Đàm Ngọc Y thì phần đất trên đã được chuyển nhượng cho ông Phạm Xuân H1 một phần, hiện còn lại diện tích theo đo đạc thực tế là 17.648,5m<sup>2</sup>. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thỏa thuận trên và căn cứ vào các điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình để phân chia phần đất cho ông Phạm Hoàng T, bà Đàm Ngọc Y là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Riêng đối với nội dung ghi nhận tại “Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản” lập ngày 14/11/2017 về việc “bà Đàm Ngọc Y sau khi qua đời để lại phần tài sản của mình cho con là Phạm Lớn M và Phạm Mỹ T1, phần của ông Phạm Hoàng T sau khi qua đời để lại toàn bộ cho ông Phạm Hoàng L” đây là nội dung mang tính “Di chúc” để thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết theo quy định tại Điều 624 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, ngay cả sau khi di chúc được lập thì người lập di chúc cũng có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ di chúc theo quy định tại điều 640 của Bộ luật dân sự, nên việc thỏa thuận giữa ông Phạm Hoàng T, bà Đàm Ngọc Y về chuyển tài sản cho con sau khi chết là chưa có hiệu lực để thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Đàm Ngọc Y và ý kiến của chị Phạm Lớn M, anh Phạm Hoàng L, chị Phạm Mỹ T2 về sự thỏa thuận trên là phù hợp.

Về thời gian sử dụng đất, đối với thỏa thuận về thời gian sử dụng đất thì tại “Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản” lập ngày 14/11/2017 ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y có thỏa thuận mỗi người sử dụng đất 01 năm, đây là việc thỏa thuận sử dụng tài sản đã được các bên tự thỏa thuận phân chia và theo bà Đàm Ngọc Y cho rằng thời gian trên các bên có thỏa thuận lại là 02 năm. Thời gian 03 năm đầu tiên đã được giao cho 03 người con sử dụng và ông Phạm Hoàng T sử dụng đất tiếp theo sau khi được 02 năm thì ông Phạm Hoàng T khởi kiện yêu cầu chia đất trong khi bà chưa được sử dụng phần đất trên khi đến hạn, chính vì vậy bà Đàm Ngọc Y yêu cầu xem xét để cho bà được sử dụng đất trong thời gian 03 năm như đã thỏa thuận. Việc thỏa thuận trên không được ông Phạm Hoàng T thừa nhận và bà Đàm Ngọc Y không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đồng thời, căn cứ từ việc thỏa thuận của các bên đương sự về việc sử dụng đất tại “Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản” ngày 14/11/2017 cùng với điều kiện kinh tế hiện tại của các bên không đủ cơ sở để chấp nhận việc tạm thời không phân chia tài sản. Hơn nữa, các con chung của ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y đều đã thành niên, có điều kiện để lao động sinh sống, còn anh Phạm Hoàng L thì cũng đã có gia đình



riêng. Từ đó, chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Hoàng T để phân chia tài sản chung là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đàm Ngọc Y có ý kiến về thời gian sử dụng đất như bà đã trình bày nhưng bà Đàm Ngọc Y không có yêu cầu cụ thể về thời gian để bà sử dụng đất và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đàm Ngọc Y cũng không đặt ra yêu cầu cụ thể về vấn đề sử dụng đất như đã nêu, chỉ thể hiện ý chí không đồng ý phân chia tài sản mà giữ y việc thỏa thuận tại “Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản” lập ngày 14/11/2017. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng theo quy định về chế độ tài sản chung được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung nên đề nghị không tiến hành phân chia. Ngoài ra, nếu phải phân chia tài sản chung thì ông Phạm Hoàng T là người có lỗi trong hôn nhân nên cần phải được xem xét khi phân chia tài sản; trách nhiệm của ông Phạm Hoàng T đối với con chung là anh Phạm Hoàng L do hiện nay anh Phạm Hoàng L bị tai nạn, ảnh hưởng đến lao động phục vụ cuộc sống.

Xét ý kiến của bị đơn thì về việc phân chia tài sản chung không đảm bảo căn cứ áp dụng về chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 28 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khi ly hôn, ông Phạm Hoàng T không có lỗi làm thiệt hại đến tài sản chung nên không chấp nhận ý kiến của bị đơn về xem xét lỗi của nguyên đơn khi phân chia tài sản theo quy định tại Điều 29 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với trách nhiệm nuôi con chung là anh Phạm Hoàng L không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án. Tuy anh Phạm Hoàng L hiện tại sức khỏe không tốt do ảnh hưởng từ tai nạn khi lao động nhưng anh Phạm Hoàng L cũng đã thành niên và đã có gia đình riêng. Do vậy, về trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung được giao cho các bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp thì được quyền khởi kiện theo quy định chung của pháp luật.

[5] Từ những nội dung trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đàm Ngọc Y. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y thỏa thuận với nhau về việc ông Phạm Hoàng T chấp nhận cho bà Đàm Ngọc Y sử dụng một phần diện tích đất được chia cho ông để bà Đàm Ngọc Y làm đường kênh thoát nước, kênh ngang 03 mét tại vị trí từ phần tiếp giáp lộ bê tông của phần đất chia cho bà Đàm Ngọc Y sang phần đất chia cho ông Phạm Hoàng T để vào phần kênh thoát nước ngang lộ bê tông, bà Đàm Ngọc Y không phải trả giá trị đất sử dụng cho ông Phạm Hoàng T. Việc thỏa thuận trên giữa các bên là phù hợp với quy định chung của pháp luật và được giao cho các bên tự thỏa thuận để thực hiện, nếu có tranh chấp thì được quyền khởi kiện theo quy định chung.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận. Riêng đối với việc điều chỉnh hướng tiếp giáp, bổ sung mốc giới các phần đất được phân chia thì không làm thay đổi kết quả xét xử sơ thẩm nên không nhất thiết phải tuyên sửa án sơ thẩm mà chỉ cần điều chỉnh hướng tiếp giáp, bổ sung mốc giới của các phần đất cho phù hợp với thực địa.

[8] Bà Đàm Ngọc Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định chung.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Ngọc Y. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào các Điều 28, 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T về việc chia tài sản chung. Ông Phạm Hoàng T và bà Đàm Ngọc Y mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  diện tích phần đất 17.648,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 01 và số 02 (được trích đo từ thửa số 197 và một phần thửa số 174, tờ bản đồ số 9), tọa lạc tại ấp E, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau do ông Phạm Hoàng T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B 539586 cấp ngày 26/10/1993. Cụ thể như sau:

+ Ông Phạm Hoàng T được chia: Phần đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm với diện tích là 947m<sup>2</sup> (thuộc thửa số 01 trích đo từ thửa 197) và phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 7.877m<sup>2</sup> (thuộc thửa số 02 trích đo từ một phần thửa số 174) cùng với căn nhà cây gỗ địa phương có diện tích 91,14m<sup>2</sup> (nhà số B, do ông Phạm Hoàng T đang sử dụng); một công sở vuông tôm.

Vị trí phần đất ở, đất trồng cây lâu năm được xác định như sau: H (giáp sông B): Từ mốc M3 đo sang hướng mốc M2 có chiều dài là 18,45m (mốc M2'). Hướng T3 (giáp lộ bê tông): Từ mốc M4 đo sang hướng mốc M1 có chiều dài 18,45m (mốc M1'). Hướng N: Từ mốc M3 đến mốc M4, dài 51,38m. Hướng B (giáp phần đất còn lại chia cho bà Đàm Ngọc Y): Từ vị trí 18,45m phía mặt tiền giáp sông B (mốc M2') đến vị trí 18,45m giáp lộ bê tông (mốc M1').

Vị trí phần đất nuôi trồng thủy sản được xác định như sau: H (giáp lộ bê tông): Từ mốc M5 đo sang hướng mốc M8, dài 18,817m (mốc M5'). Hướng T3 (mặt hậu vuông tôm): Từ mốc M6 đo sang hướng mốc M7, dài 18,817m (mốc M6'). Hướng N: Từ mốc M5 đến mốc M6, dài 418,61m. Hướng B (giáp phần đất còn lại chia cho bà Đàm Ngọc Y): Từ vị trí 18,817m (mặt tiền giáp lộ bê tông, mốc M5') đến vị trí 18,817m (mặt hậu vuông, mốc M6').

+ Bà Đàm Ngọc Y được chia: Phần đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm với diện tích là 947m<sup>2</sup> (thuộc thửa số 01 trích đo từ thửa 197) và phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 7.877m<sup>2</sup> (thuộc thửa số 02 trích đo từ một phần thửa số 174) cùng với căn nhà cấp IV có diện tích 84,63m<sup>2</sup> (nhà số A, do bà Đàm Ngọc Y đang sử dụng).

Vị trí phần đất ở, đất trồng cây lâu năm được xác định như sau: Hướng Đông (mặt tiền giáp sông B): Từ mốc M2 đến mốc M2', dài 19,24m. Hướng T3 (giáp lộ bê tông): Từ mốc M1 đến mốc M1', dài 19,24m. Hướng Nam (giáp phần đất chia cho ông Phạm Hoàng T): Từ mốc M1' (giáp lộ bê tông) đến mốc M2' (giáp sông B). Hướng B: Từ mốc M1 đến mốc M2, dài 49,27m.

Vị trí phần đất nuôi trồng thủy sản được xác định như sau: H (giáp lộ bê tông): Từ mốc M8 đến mốc M5', dài 18,84m. Hướng T3 (mặt hậu vuông tôm): Từ mốc M7 đến mốc M6', dài 18,99m. Hướng Nam (giáp phần đất chia cho ông Phạm Hoàng T): Từ mốc M5' đến mốc M6'. Hướng B: Từ mốc M7 đến Mốc M, dài 417,26m.

*(Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 03/7/2023 của Công ty TNHH P).*

- Buộc ông Phạm Hoàng T giao lại cho bà Đàm Ngọc Y  $\frac{1}{2}$  giá trị công xố vuông tôm bằng 6.500.000 đồng.

- Bà Đàm Ngọc Y có trách nhiệm giao trả lại cho ông Phạm Hoàng T chi phí đo đạc và chi phí thẩm định giá tài sản bằng 16.485.660 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Hoàng T được miễn toàn bộ án phí. Bà Đàm Ngọc Y phải nộp 45.717.000 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Án phí dân sự phúc thẩm bà Đàm Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng và được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0013916 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Phương**